



# Cải cách điền địa (Việt Nam Cộng hòa)

Bởi:

Wiki Pedia

## Giới thiệu

Trong khuôn khổ chương trình "Cải cách nông nghiệp" và "Phát triển nông thôn" ở miền Nam (từ vĩ tuyến 17 trở xuống phía Nam) từ 1954-1975 sau Hiệp định Genève do phía Việt Nam Cộng hòa lãnh đạo có 2 đợt cải cách điền địa.

## Thời Đệ nhất Cộng hòa

### Hoàn cảnh

Tính đến thập niên 1950 tại miền Nam Việt Nam thì tình hình sở hữu ruộng đất có nhiều chênh lệch: 2,5% đại điền chủ sở hữu 45% tổng số ruộng trong khi 73% tiểu điền chủ chia nhau 15%.

Trong hai năm 1955 – 1956, chính phủ Mỹ đã cử một phái đoàn cố vấn do W. Ladejinsky (một chuyên gia về cải cách điền địa đã từng giúp Tưởng Giới Thạch thực hiện cải cách điền địa ở Đài Loan) sang miền Nam Việt Nam giúp chính quyền Việt Nam Cộng hòa soạn thảo chính sách ruộng đất. Báo Công Luận ra ngày 7 tháng 7 năm 1969 cho biết từ năm 1955 đến năm 1960 Mỹ đã viện trợ 12 triệu USD cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa để thực hiện chính sách trên.

Trước khi đợt cải cách điền địa lần đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa do Tổng thống Ngô Đình Diệm thi hành, tại các vùng Việt Minh kiểm soát ở phía nam vĩ tuyến 17 - đèo đất Trung Bộ và một số nơi ở đồng bằng sông Cửu Long - Việt Minh đã tịch thu các nông trại trồng lúa của Pháp và của những người theo chính quyền thuộc địa Pháp và chia những vùng đất này cho tá điền. Ở hầu hết các vùng còn lại, bao gồm những vùng đã từng thuộc về các giáo phái, những người nông dân cũng tự thực hiện cải cách ruộng đất. Nhiều địa chủ đã bỏ những cánh đồng của mình lên thành phố ở để tránh các cuộc xung đột vũ trang và tìm sự an toàn. Những người nông dân đã chia nhau những vùng ruộng đất này hoặc chấm dứt nộp tô cho những khu ruộng mà họ đang trồng cấy.

Cải cách điền địa (Việt Nam Cộng hòa)

Nội dung cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm chủ yếu trong ba đạo dụ:

Dụ số 2 (8/1/1955) và số 7 (5/2/1955) buộc nông dân lập khế ước tá điền

Loại A (thời hạn 5 năm, tăng tô 15% - 20%)

Loại B (đối với ruộng hoang có chủ)

Loại C (đối với ruộng hoang vắng chủ có công).

Dụ số 57 (20/10/1956) quy định việc truất hữu địa chủ. Mỗi địa chủ chỉ được giữ lại 100 ha ruộng đất và 15 hecta ruộng hương hỏa. Ruộng bị truất hữu sẽ được đem bán lại cho những người thiếu ruộng mỗi hộ không quá 5 ha, người mua sẽ trả tiền trong 6 năm.

Trong thời gian ấy ruộng đất vẫn thuộc quyền sở hữu của chính quyền. Trong vòng 10 năm đất không được cho mượn hay đem bán lại. Địa chủ sẽ được bồi thường 10% tiền mặt, số còn lại được trả bằng trái phiếu trong 12 năm, mỗi năm lời 5%.

Với chính quyền Ngô Đình Diệm thì thực chất dụ số 2 và dụ số 7 không phải là mới mẻ gì vì "phần lớn chương trình cải cách điền địa năm 1956 chỉ là sao chép chương trình cải cách trước kia của Bảo Đại".

## **Thi hành**

Miền Nam Việt Nam đã thực hiện chính sách tư hữu hóa ruộng đất cho các tá điền qua công cuộc Cải Cách Điền Địa do Tổng thống Ngô Đình Diệm thực hiện trong những năm 1955-1963. Hai điều luật chủ yếu là điều luật số 2 (thông qua ngày 8 tháng 1 năm 1955) và số 7 (thông qua ngày 5 tháng 2 năm 1955) quy định chính sách giảm tô, thu hồi ruộng đất bỏ hoang, và bảo đảm hợp đồng cho tá điền. Diện tích ruộng bỏ hoang lúc bấy giờ là 1,3 triệu mẫu.

Như vậy dụ số 2 và dụ số 7 chỉ là "luật pháp cho phép địa chủ và thực dân chiếm đoạt loại 750.000 ha mà chính quyền Mặt trận Giải phóng dân tộc miền Nam đã chia cho nông dân và buộc hàng chục vạn gia đình nông dân lao động trợ lại vị trí tá điền với mức tô phổ biến tăng lên".

Điều luật 57, thông qua ngày 22 tháng 10 năm 1956 ấn định thể thức phân phát ruộng. Theo đó thì chủ điền chỉ được giữ tối đa là 100 mẫu, trong đó 30 mẫu phải trực canh và 70 mẫu còn lại phải cho tá điền thuê theo quy chế tá canh. Tổng cộng là 2.033 điền chủ sở hữu 425.000 mẫu bị ảnh hưởng. Thêm vào đó là 245.000 mẫu của 430 điền chủ mang quốc tịch Pháp cũng thuộc vào trường hợp phải nhượng lại cho chính phủ. Diện tích quá 100 mẫu luật pháp quy định phải bán lại cho người không có ruộng. Chính phủ đề ra bốn diện ưu tiên nhận ruộng theo thứ tự sau đây: người đã tá canh hơn hai năm, cựu chiến binh, dân di cư và người thất nghiệp.

Chính phủ Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã bồi thường số đất bị truất hữu (tức quyền sở hữu) cho chủ điền bằng 10% tiền mặt và 90% công trái phiếu hạn 12 năm. Tá điền được giảm địa tô xuống thành 25% và có quyền mua trả góp vốn và lãi trong vòng 12 năm, số ruộng đất tối đa là 5 mẫu với giá tiền chính phủ bồi thường chủ điền.

Với chương trình cải cách điền địa này, chính phủ Ngô Đình Diệm đã thu lại tất cả các vùng đất mà Việt Minh đã chia cho các tá điền, tịch thu tất cả tài sản từng thuộc về người Pháp. Những vùng đất này được phân chia lại. Rất nhiều đất được dành cho những người di cư từ miền Bắc thay vì nông dân miền Nam. Hầu hết phần còn lại quay trở lại về tay các chủ đất cũ người Việt hoặc tới tay những người có khả năng mua trong số những người ủng hộ chính quyền mới (tuy theo quy định, mỗi người chỉ được giữ tối đa 100 mẫu, nhưng sở hữu lớn của một gia đình địa chủ có thể được ngưng trang bằng cách chia nhỏ cho các thành viên).

Trung tướng Trần Văn Đôn, Tổng tham mưu trưởng của chính phủ Ngô Đình Diệm – đồng thời cũng là một địa chủ bị chính quyền Diệm truất hữu, đã nói: "Dòng họ nhà Trần chúng tôi có hơn 1.500 mẫu đất bị truất hữu số đó được chia thành từng lô, mỗi lô 5 mẫu để bán lại. Nhưng chính phủ lại đem bán cho những người Bắc Việt di cư chứ không phải bán lại cho số 400 tá điền cũ của dòng họ nhà tôi, gốc Nam Bộ".

Chính phủ còn tịch thu và trả lại cho chủ đất cũ những vùng đất bị bỏ lại mà nông dân địa phương đã chiếm, những người nông dân này lại trở thành người không có ruộng. Trong số những người tá điền, số ít ỏi được chia đất thì phải mua phần đất đó với tiền trả dần từng năm.

Thông qua chương trình "Cải cách điền địa" Tổng thống Diệm đã trực tiếp làm cho riêng mình và dòng họ Ngô trở lên giàu có nhờ truất hữu ruộng đất địa chủ và mua lại của Pháp. "Ai ai cũng tin rằng gia đình Diệm đã làm giàu với cuộc cải cách điền địa cho nên mọi người đều căm ghét những quan chức và quân đội của Diệm".

## **Kết quả**

Đến năm 1958, Ngô Đình Diệm đã khôi phục được kiểu sở hữu đất tại đồng bằng Nam Bộ về lại như thời trước chiến tranh khi 2% chủ đất sở hữu 45% đất đai và khoảng một nửa số người cày không có ruộng.

Ngày 30 tháng 6 năm 1959, chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long số khế ước tá điền lập được đã lên tới 774.286 ha (Loại A: 576.856 ha, loại B và C: 197.530 ha), liên quan tới khoảng  $\frac{3}{4}$  số tá điền.

Khế ước quy định mức tô là 25%, nhưng ngay mức tô này thực chất cũng chỉ là một cách tăng tô phổ biến. Trong thực tế thì địa chủ bắt ép nông dân nộp tô hơn mức quy định rất nhiều. Mức tô phổ biến trong giai đoạn này là 25% - 40% hoa lợi. Còn theo báo Tự

Do (báo của chính quyền Việt Nam Cộng hòa) số ra ngày 3/3/1961 thừa nhận: "Tuy khế ước quy định tô 15% nhưng thực tế địa chủ đã thu tô 45 – 50% như cũ, những năm mất mùa cũng không được giảm tô".

Vào năm 1961, khi chương trình này trên thực tế đã chấm dứt. Tổng thống Diệm đã thu được 422.000 ha cộng với ruộng đất của Pháp, thành ra vào khoảng 650.000 ha. Trong số này chỉ 244.000 ha được chia lại sau cuối năm 1958, chủ yếu cho người di cư Thiên Chúa giáo miền Bắc hoặc cho những binh lính cũ hoặc những người mới tới... Ruộng đất của Pháp là thứ ruộng tốt nhất vẫn còn nằm trong tay Việt Nam Cộng hòa và không được chia lại.

Tính chung cả miền Nam, theo bộ Điền Thổ và cải cách điền địa cho biết đến hết ngày 15 tháng 5 năm 1960 đã đo đạc xong 424.081 ha và bán lại cho 123.979 nông dân. So với 1 triệu hộ tá điền ở đồng bằng sông Cửu Long thì rõ ràng dự 57 về cơ bản không ảnh hưởng bao nhiêu.

Theo tạp chí Chân Hưng Kinh Tế đã thống kê như sau:

Diện tích truất hữu (2035 chủ điền) = 430.319 ha (chiếm 94%)

Diện tích đã được bồi thường = 340.744 ha

Diện tích có đơn xin mua = 297.018 ha

Diện tích đã cấp bán (123.193 tá điền) = 345.851 ha

Diện tích mua trực tiếp của chủ điền (2857 tá điền) = 6.362 ha

Diện tích mua của điền chủ Pháp = 220.842 ha (Thỏa ước Việt-Pháp ngày 10/9/1958)

Số tiền bồi thường bằng chi phiếu = 165.497.567 đồng

Số tiền bồi thường bằng trái phiếu = 1.195.380.000 đồng

## **Thời Đệ nhị Cộng hòa**

### **Hoàn cảnh**

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 buộc Mỹ phải xuống thang và chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Vì một vùng nông thôn rộng lớn đã ở dưới quyền kiểm soát của Mặt trận giải phóng miền Nam nên Mỹ và Việt Nam Cộng hòa càng chú ý đến việc giành lại đất đai ở nông thôn. Trong chương trình nghị sự giữa Richard Nixon và Nguyễn Văn Thiệu thời Đệ nhị Cộng hòa tại đảo Midway tháng

6 năm 1969, vấn đề nông thôn và cải cách điền địa đã được ghi lên hàng đầu. Và Nixon hứa sẽ viện trợ 40 triệu USD cho chương trình cải cách điền địa này.

Ngày 25 tháng 8 năm 1969, Nguyễn Văn Thiệu đưa ra dự luật để quốc hội thảo luận, trong đó việc rút bớt ruộng đất để lại cho địa chủ xuống còn 15 ha ở Nam Bộ, 5 ha ở Trung Bộ và cấp không 1,5 triệu ha ruộng lúa cho hơn 80 vạn nông dân. Ngày 9 tháng 9 năm 1969, thì Nixon phái Richard I. Hogh, một chuyên gia về phát triển nông thôn châu Á, cùng với 35 chuyên viên người Việt và Mỹ sang Sài Gòn trực tiếp nắm chương trình cải cách điền địa. Ngoài 40\$ triệu dollar (tương đương 11 tỷ đồng tiền Việt Nam Cộng hòa) bỏ ra thì chính quyền còn bỏ ra 178 triệu đồng để chi cho việc soạn thảo luật "Người Cày Có Ruộng".

Từ tháng 8 năm 1969 đến tháng 3 năm 1970, sau một thời gian tranh chấp khá gay go trong nội bộ quốc hội vì nhiều dân biểu là địa chủ không muốn bị truất hữu, cuối cùng thì đạo luật được Thượng viện thông qua ngày 6 tháng 3 năm 1970 và Hạ viện chung quyết ngày 16 tháng 3 năm 1970. Ngày 26 tháng 3 năm 1970, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã ký tại Cần Thơ lệnh số 003/60 ban hành luật "Người Cày Có Ruộng". Ông nói: "Hôm nay là ngày vui sướng nhất của đời tôi". . Báo chí Hoa Kỳ hết lời ca ngợi, tờ Washington Evening Star gọi đó là "Tin tức tốt đẹp nhất đến từ Việt Nam kể từ khi kết thúc sự chiếm đóng của người Nhật". . Còn tờ New York Times cho rằng "Có lẽ đây là cuộc cải cách ruộng đất không cộng sản mang nhiều tham vọng và tiến bộ nhất của thế kỷ 20".

Luật quy định ruộng đất không trực canh (không canh tác) đương nhiên bị truất hữu và phải được bồi thường thỏa đáng theo thời giá và chính phủ phát hành công khó phiếu để chi trả những khoản này. Chủ đất được bồi thường 20% bằng hiện kim và 80% bằng công khó phiếu trả 10% lãi trong tám năm. Giá trị của đất ruộng quy định là 2,5 lần giá năng suất thóc từ khoảnh đất đó.

Ruộng đất truất hữu được ưu tiên cấp phát miễn phí cho tá điền (3 mẫu ở Nam phần và 1 mẫu ở Cao Nguyên và Trung phần). Điền chủ trực canh chỉ được giữ tối đa 15 mẫu ở Nam Phần hay 5 mẫu ở Trung Phần. Tuy nhiên, Luật "Người Cày Có Ruộng" không áp dụng đối với ruộng đất của các tổ chức tôn giáo và ruộng đất hương hỏa gia đình của người dân. Mục tiêu của việc cải cách này là cấp miễn phí 1,5 triệu hecta ruộng lúa cho 80 vạn hộ nông dân, đồng thời cấp giấy chứng nhận sở hữu ruộng đất cho nông dân. Người nhận đất theo quy định chương trình Người cày có ruộng thì không được sang nhượng hay bán lại thửa đất đó trong vòng 15 năm.

Ngoài ra chính sách ruộng đất còn có ba điểm mới đem vào thực hành:

Địa chủ không có quyền bắt tá điền nộp địa tô thuộc những năm trước.

Nông dân lãnh ruộng do Việt Cộng cấp cũng được miễn thuế trong một thời gian.

Cải cách điền địa (Việt Nam Cộng hòa)

Nông dân lãnh ruộng do Việt Cộng cấp sẽ được nhận bằng khoán để chính thức sở hữu số ruộng đó.

Tính đến năm 1973 thì hơn một triệu mẫu ruộng đã được chuyển sang quyền sở hữu của hơn 850.000 tá điền.

### **Thi hành**

Đối với luật "Người Cày Có Ruộng" thì Tổng thống Thiệu thì cho lập ra nhiều Ủy ban cải cách điền địa từ huyện đến xã. Các ủy ban này có nhiệm vụ kê khai ruộng đất canh tác của nông dân, ruộng đất thuộc sở hữu của địa chủ. Ngoài ra còn tịch thu ruộng đất của gia đình theo phe Cộng Sản đem chia cho nhân viên, quân đội phục vụ trong chính quyền. Ngoài ra còn cấp chứng khoán để xác nhận quyền sở hữu ruộng đất của nông dân. Nếu những ai không kê khai ruộng đất hoặc không nhận chứng khoán rằng ruộng đất sẽ bị tịch thu và xem như có hành động ngăn cản việc thi hành người cày có ruộng. Sẽ bị phạt tù 6 tháng 3 năm và phạt tiền từ 20.000 đến 200.000 đồng (Điều 17, chương 5).

Việc bắt nông dân kê khai ruộng đất và lấy chứng khoán cũng là những cơ hội để những thành phần công chức xã ấp vơ vét tiền bạc. Nông dân phải nộp từ 6.000 đến 15.000 đồng để lấy một chứng khoán, nếu không thì mất đất như ở Cai Lậy, Gò Công (Tiền Giang). Còn nông dân muốn làm giấy bán ruộng cho nhau cũng phải "lo lót" từ 10.000 đến 15.000 đồng/ha như ở Châu Thành Nam (Tiền Giang). Sau khi kê khai ruộng đất và lãnh chứng khoán, nông dân phải đóng thuế ruộng đất, có nơi phải đóng 2 – 3 năm liền. Với mức đóng thuế liên tục như thế đã gây rất nhiều khó khăn cho nông dân được cấp đất.

Theo tờ Điện Tín Sài Gòn (ngày 2/4/1972) thì tháng 3 năm 1972, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm đã 2 lần ký giấy cấp cho vợ của Nguyễn Văn Thiệu hơn 200 ha ở Long Khánh. Đại tá tỉnh trưởng Long Khánh sau khi cấp đất cho vợ của Nguyễn Văn Thiệu đã tự cấp chứng khoán cho mình để lấy luôn 1.100 ha đất của nông dân. Theo hãng tin Reuter ngày 8 tháng 1 năm 1971, Nguyễn Cao Kỳ đã chiếm 3.600 ha ruộng đất của đồng bào người Thượng ở Cao Nguyên.

### **Kết quả**

Báo Chính Luận Sài Gòn (ngày 23/2/1971) đưa tin: Ngày 22/2/1971, sau gần một năm luật "Người Cày Có Ruộng" được ban hành, dân biểu Trần Văn Quá, chủ tịch ủy ban canh nông của thượng viện đã tiết lộ: "Hầu hết số ruộng này đã được Việt Cộng cấp không cho nông dân từ mấy năm trước, nay luật "Người Cày Có Ruộng" xem như hợp thức hoá tình trạng đó".

Ba năm sau khi triển khai chương trình này, tổng cộng có 75 vạn hộ gia đình, gồm khoảng 5 triệu người, đã được cấp đất. Theo ông Nguyễn Tiến Hưng trong sách Khi đồng minh tháo chạy: "Nhiều quan sát viên quốc tế đã cho chương trình "Người Cày Có Ruộng" là một trong những chương trình cải cách điền địa thành công nhất ở các nước hậu tiến. Nó là điểm vàng son của nền Đệ nhị Cộng hòa". Chương trình này đã tạo ra một tầng lớp tiểu nông đông đảo, thúc đẩy kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp phát triển. Nông dân hăng hái sản xuất và năng suất lao động trong sản xuất lúa gạo tăng lên nhanh chóng. Đời sống của nông dân được cải thiện.

Ở miền Nam, trong đợt 1, đất đai của địa chủ được chính phủ thu mua giá cả sòng phẳng rồi bán trả góp 12 năm cho dân nghèo. Trong đợt 2, địa chủ chỉ được giữ tối đa 15 mẫu nếu trực canh, sau năm 1973 đã chấm dứt nạn tá canh làm thuê ruộng của chủ điền vì nông dân đã được cấp, bán trả góp. Ở miền Nam Việt Nam, phương thức sản xuất nông nghiệp kiểu phong kiến đã bị xoá sạch. Những phương pháp canh tác mới có tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng để gia tăng năng suất. Sau khi hoàn tất chương trình "Người Cày Có Ruộng" trong những năm 1970-1973, Việt Nam Cộng hòa đã có 80 phần trăm tư sản trung nông hóa và thành phần nông dân này là lực lượng chính của sản xuất nông nghiệp ở miền Nam Việt Nam.

Còn lại khoảng 20 phần trăm là phú nông và tư sản trung nông giàu sở hữu chừng 10 phần trăm ruộng đất canh tác. Số người nông dân giàu có này ngoài việc canh tác số ruộng đất sau khi đã truất hữu còn lại, họ cũng kinh doanh các dịch vụ cơ khí nông nghiệp, lưu thông hàng hoá nông sản phẩm, chế biến thực phẩm nông sản trong một thị trường thương nghiệp nông thôn và lao động nông nghiệp rất tự do. Sau khi Việt Nam Cộng hòa hoàn tất chương trình "Người Cày Có Ruộng" thì không còn thành phần đại địa chủ ở miền Nam Việt Nam. Trong ba năm 1970-1973, kết quả của chương trình "Người Cày Có Ruộng" là đã chấm dứt chế độ tá canh ở miền Nam Việt Nam khi tá điền trở thành điền chủ.

Mặc dù trong thời chiến tranh, miền Nam vẫn còn xuất cảng được gạo. Năm 1960 đánh dấu mức cao nhất trong lịch sử kinh tế Việt Nam Cộng hòa, với tổng xuất là 340.000 tấn. Từ năm đó, nông thôn bắt đầu thiếu an ninh, ruộng đất thiếu người cày, xuất cảng gạo xuống dần, và tới năm 1962, còn 85 ngàn tấn. Từ năm 1965, đã có lúc phải nhập cảng gạo. Nhờ những chính sách phát triển nông thôn, từ năm 1970, sản xuất lúa gạo tại miền Nam đã tăng trưởng. Thêm vào đó là nhờ tiến bộ kỹ thuật : loại lúa giống IR-3 phát xuất ở Philippines được đem vào đồng bằng Cửu Long, nhờ phát triển nhanh và tốt, còn được gọi là "lúa Thần nông". Đến năm 1971 thì lúa Thần nông đã phủ được trên 2,6 triệu mẫu ruộng, bằng 42% diện tích canh tác.

Kết quả chương trình "Người Cày Có Ruộng" theo số liệu của Tổng nha Điền Địa (tính đến ngày 15/7/1974):

Toàn miền Nam cấp phát = 1.290.949 ha

Cải cách điền địa (Việt Nam Cộng hòa)

Đồng bằng sông Cửu Long = 1.154.371 ha (ruộng tư 1.099.382 ha; ruộng công 54.989 ha)

Chứng thư cấp đất = 693.258 chứng thư

Số tiền bồi thường = 151 tỷ đồng (số liệu 26/4/1974)

Sở hữu của các tổ chức tôn giáo

Luật "Người Cày Có Ruộng" không hề đụng chạm đến ruộng đất của tôn giáo nên ngay sau năm 1975, các tôn giáo còn sở hữu rất nhiều ruộng đất. Phật giáo, Hòa Hảo và Cao Đài còn chiếm không đáng kể, nhưng đáng chú ý nhất là sự sở hữu lớn của các nhà thờ Thiên chúa giáo. Nhà thờ Cầu Ngang (huyện Tiểu Cần, Cửu Long) sở hữu 529 ha, nhà thờ Bãi Sang (huyện Cần Long, Cửu Long) sở hữu 432 ha, nhà thờ Bình Hạnh Đông (huyện Phú Tân, An Giang) sở hữu 570 ha. Ở tỉnh Long Châu Hà cũ, trong tổng số ruộng đất canh tác của tỉnh, tôn giáo chiếm 5% (7.848 ha) trong đó Thiên chúa giáo chiếm 7205 ha.